

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2019/HS-ST**

Ngày: 16-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Thanh Tâm** và bà **Võ Thị Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Trục** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Văn Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/TLST-HS ngày 09-7-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HS ngày 05-8-2019, đối với bị cáo:

Đào Tiến T, sinh năm 1996, tại Đ;

Nơi cư trú: Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Nghĩa, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Tuyên, sinh năm 1967; bị cáo là con út trong gia đình có ba người con, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam từ ngày 19-4-2019 (có mặt).

- Bị hại: Anh **Trần Hoàng M**, sinh năm 1997; nơi cư trú: Khu phố Cấp Rang, phường Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ (vắng).

- Người làm chứng:

1. Anh **Lê Nguyên H**, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu phố Cấp Rang, phường Suối Tre, thành phố K, tỉnh Đ (vắng).

2. Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố K, tỉnh Đ (vắng).

3. Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 444/10, ấp Lập Thành, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đ (vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 31-01-2019, Đào Tiến T được bạn là Nguyễn Ngọc Bảo, sinh năm 1994, sử dụng xe mô tô (chưa rõ biển số) chở đến cửa hàng tạp hóa của anh Trần Hoàng M, sinh năm 1997, mục đích để bán hạt điều. Bảo đứng ngoài chờ, còn T đi vào cửa hàng nhưng không thấy ai, lúc này T nhìn thấy trên bàn trong tiệm tạp hóa có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đi vào lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi rồi đi ra xe, T nói với Bảo chờ về vì không có người mua hàng.

Trên đường về, T nói với Bảo ghé cửa hàng bán điện thoại di động để mua thẻ nạp, nhưng thực tế là để cầm cố chiếc điện thoại mà Bảo vừa chiếm đoạt được. Bảo điều khiển xe mô tô chở T đến cửa hàng điện thoại Phúc Bảo (thuộc khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố K), tại đây, Bảo đứng ngoài chờ, còn Thành đi vào trong cửa hàng gặp anh Trần Văn L (quản lý cửa hàng), đề nghị anh L cầm cố điện thoại, anh L do không biết tài sản T mang đi cầm cố do phạm tội mà có, nên đồng ý cầm cố điện thoại nêu trên với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Sau khi phát hiện mất điện thoại, anh M đã làm đơn trình báo đến cơ quan có thẩm quyền, sau khi trích xuất dữ liệu camera an ninh, Công an xã Xuân Lập đã mời Đào Tiến T đến làm việc. Đến ngày 13-02-2019, T đến gặp anh M, thừa nhận đã trộm cắp điện thoại của anh M và đưa cho anh M số tiền 500.000đ để chuộc lại điện thoại.

Tại kết luận định giá số 18/HĐĐGTSTTTHS ngày 27-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thị xã K xác định: Một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, đã qua sử dụng có giá trị là 12.795.150đ (Mười hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSLK ngày 08-7-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Đào Tiến T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) đến 06 (sáu) tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã mô tả, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Quá trình điều tra, bị hại M khai như sau: Sau khi được bị cáo T cho biết địa điểm cầm cố điện thoại, anh M đã đến cửa hàng điện thoại Phúc Bảo tại khu phố Trung Tâm, phường Xuân Lập, thành phố K, gặp anh Trần Văn L để xin

chuộc lại điện thoại, nhưng do thời gian cận tết nên cửa hàng đóng cửa. Ít ngày sau, anh Mnhận được điện thoại của anh L, nói anh liên hệ với cửa hàng điện thoại Phúc Bảo tại huyện Thống Nhất để chuộc lại điện thoại. Ngày 14-02-2019, anh M đã đến gặp anh Nguyễn Văn V (chủ cửa hàng Phúc Bảo tại huyện Thống Nhất) để chuộc lại điện thoại với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngoài số tiền 500.000đ mà bị cáo đã đưa cho anh M, anh còn phải bỏ ra thêm số tiền 1.500.000đ để chuộc điện thoại từ cửa hàng cầm đồ. Do đó, anh yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nhưng lại lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, có giá trị là 12.795.150đ (Mười hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng) của anh Trần Hoàng M. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có cơ sở xác định, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số 59/CT-VKSLK ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động chính đáng, biết rõ, hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có thực hiện khắc phục số tiền 500.000đ, tuy nhiên, số tiền bị cáo khắc phục chỉ bằng $\frac{1}{4}$ tổng giá trị thiệt hại, nên không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

[6] Về quyết định hình phạt: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, tại phiên tòa, bị cáo đã thật sự hối hận về hành của mình gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định. Bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 19-4-2019 cho đến nay, tính đến ngày xét xử là 03 tháng 27 ngày, thiết nghĩ với thời gian tạm giam nêu trên cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giam, trả tự do cho bị cáo, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có lời khai phù hợp với nhau, thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về tài sản số tiền 1.500.000đ của bị hại Trần Hoàng M là do lỗi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

[9] Về vật chứng: Sau khi chuộc lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, anh Minh đã bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Ngọc B, có hành vi sử dụng xe mô tô chở Thành đến tiệm tạp hóa của anh M, sau đó chở T đến cửa hàng điện thoại để cầm cố điện thoại. Tuy nhiên, từ lời khai của T xác định, quá trình T thực hiện hành vi phạm tội, Bảo không biết, số tiền có được từ việc cầm cố điện thoại di động, T sử dụng tiêu xài riêng, không chia cho B. Do hiện tại, B không có mặt tại địa phương, chưa làm việc được nên chưa có cơ sở xử lý hành vi của B.

[12] Đối với anh Trần Văn L, tại thời điểm Thành cầm cố tài sản, anh L không biết tài sản mà T mang cầm cố do phạm tội mà có, nên hành vi không cấu thành tội phạm, không xem xét, xử lý.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như đề nghị mức hình phạt là phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 48; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Khoản 2 Điều 136; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Các điều 357, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đào Tiến T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Đào Tiến T **03 (ba) tháng 27 (hai mươi bảy)** ngày tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 19-4-2019. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đào Tiến T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Buộc bị cáo Đào Tiến T bồi thường thiệt hại cho anh Trần Hoàng M số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Trần Hoàng M cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Buộc bị cáo Đào Tiến T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Trần Hoàng M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- VKSND thành phố K;
- CQCSĐT Công an thành phố K;
- CQTHAHS Công an thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo Đào Tiến T;
- Bị hại Trần Hoàng M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố